

PHÂN LOẠI TÂM LÝ NHÂN CÁCH VÀ MỐI LIÊN QUAN VỚI TRẮC NGHIỆM MỨC ĐỘ TRẠNG THÁI TRẦM CẢM Ở CÁC THỦY THỦ TÀU ĐƠN VỊ M.

TS. NGUYỄN HOÀNG LUYẾN - *Quân chủng Hải Quân*

Phản biện khoa học: (1) PGS.TS. NGUYỄN MINH PHƯƠNG
(2) TS. NGUYỄN VĂN GIANG

TÓM TẮT: Nghiên cứu mô tả cắt ngang, phân loại tâm lý nhân cách theo trắc nghiệm Eysenck và mối liên quan với mức độ trầm cảm theo trắc nghiệm Beck của 442 thủy thủ, thuộc Đơn vị Hải quân M., thực hiện trong tháng 7/2020. **Kết quả:** Thủy thủ có phân loại nhân cách bình thản chiếm tỉ lệ cao nhất (41,4%), tiếp theo là loại nhân cách ưu tư (30,1%) và nhân cách nóng nảy (21,9%); số thủy thủ có loại nhân cách hăng hái chiếm tỉ lệ thấp nhất (6,6%). Theo trắc nghiệm Beck, số thủy thủ có kết quả trắc nghiệm bình thường chiếm tỉ lệ 48,2%; trầm cảm mức độ nhẹ theo trắc nghiệm Beck chiếm 39,6%; trầm cảm mức độ vừa theo trắc nghiệm Beck chiếm 10,9% và trầm cảm mức độ nặng theo trắc nghiệm Beck chiếm 1,4%. Số thủy thủ có trạng thái trầm cảm theo trắc nghiệm Beck chiếm tỉ lệ cao nhất trong nhóm nhân cách ưu tư (79,7%); tiếp theo là trong nhóm nhân cách nóng nảy (61,9%), nhóm nhân cách hăng hái (34,5%) và thấp nhất trong nhóm nhân cách bình thản (29,0%). Có mối tương quan thuận giữa điểm trắc nghiệm trầm cảm (Beck) và điểm mức độ ổn định trong trắc nghiệm nhân cách (Eysenck) ở các thủy thủ nghiên cứu.

Từ khóa: Trắc nghiệm nhân cách Eysenck, trắc nghiệm trầm cảm Beck, thủy thủ.

ABSTRACT: A cross-sectional descriptive study was conducted on personality classification by Eysenck inventory and relation with depression level by Beck inventory of 442 sailors in Naval Squadron M, on July 2020. **Results:** Number of phlegmatic sailors accounted for 41.4%; melancholic accounted for 30.1%; choleric accounted for 21.9%; sanguine accounted for 6.6%. By Beck inventory test, number of sailors didn't suffered from depression accounted for 48.2%; sailors with mind depression by Beck inventory accounted for 39.6%, moderate depression by Beck inventory accounted for 10.9% and severe depression by Beck inventory accounted for 1.4%. Number of depression sailors by Beck inventory in melancholic group were 79.7%; in choleric were 61.9%; in sanguine were 34.5% and in phlegmatic were 29%. There was a correlation between Beck inventory score and Eysenck personality inventory stable score.

Key word: Eysenck personality inventory, Beck depression inventory, sailor.

Chịu trách nhiệm nội dung: TS. Nguyễn Hoàng Luyến, Email: luyenqhq@gmail.com

Ngày nhận bài: 15/01/2022; mời phản biện khoa học: 02/2022; chấp nhận đăng: 24/02/2022.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tâm lý là tất cả những hiện tượng tinh thần nảy sinh do sự tác động của thế giới khách quan vào não, được não phản ánh; nó gắn liền, điều hành, điều chỉnh mọi hành vi hoạt động của con người. Có nhiều cách phân loại các hiện tượng tâm lý. Dựa vào thời gian tồn tại và vị trí tương đối của chúng trong nhân cách, hiện tượng tâm lý được phân loại thành quá trình tâm lý, trạng thái tâm lý và thuộc tính tâm lý [3]. Trong đó, thuộc tính tâm lý là các hiện tượng tâm lý tương đối ổn định, hình thành chậm song khó mất đi, tạo thành những nét riêng của nhân cách. Thuộc tính tâm lý bao gồm nhân cách, xu hướng, năng lực, khí chất... Một số phương pháp khảo sát nhân cách gồm có: trắc nghiệm tâm lý Eysenck, trắc nghiệm hoàn thiện câu,

trắc nghiệm Cattell, trắc nghiệm Minnesota [4]. Trắc nghiệm tâm lý Beck rút gọn được Aaron Beck thiết kế, gồm 13 câu hỏi với 4 đáp án trả lời có sẵn để đánh giá trạng thái tâm lý - mức độ trầm cảm [4].

Trong những cuộc hành trình trên biển, các thủy thủ (TT) hầu như phải sống cách biệt với các hoạt động đời sống xã hội, hạn chế giao tiếp với môi trường bên ngoài, giới hạn mọi hoạt động trong khoảng không gian chật hẹp của con tàu. Mặt khác, môi trường vi xã hội trên tàu là môi trường khá đặc biệt, chỉ có một giới (xã hội đồng giới), tạo ra gánh nặng về tâm lý. Điều này làm cho TT bị mất cân bằng về mặt tâm lý, dễ phát sinh các bệnh rối loạn thần kinh tâm lý và các rối loạn hành vi tâm lý [1], [5], [6]. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra mối liên quan giữa đặc điểm nhân cách với mức độ trầm cảm [1], [7].

Đã có một số nghiên cứu về sức khỏe nghề nghiệp của TT, nhưng chưa có nghiên cứu mẫu lớn về nhân cách của TT và mối liên quan với mức độ trầm cảm, từ đó đề xuất tiêu chuẩn nhân cách trong tuyển chọn nguồn TT cho các hoạt động quân sự.

Chúng tôi thực hiện nghiên cứu này nhằm mục tiêu mô tả đặc điểm nhân cách theo trắc nghiệm Eysenck ở các TT thuộc Đơn vị Hải quân M. và tìm hiểu mối liên quan giữa phân loại nhân cách với mức độ trạng thái trầm cảm theo trắc nghiệm Beck trên các TT nghiên cứu.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU.

2.1. Đối tượng nghiên cứu:

Toàn bộ thủy thủ tàu thuộc Đơn vị Hải quân M. tại thời điểm triển khai nghiên cứu, được chia theo 5 nhóm ngành: Nhóm điều khiển tàu (viết tắt là ĐK); Nhóm vũ khí, ngư lôi (VK); Nhóm thông tin, ra-đa, sô-na (TT-RĐ); Nhóm cơ điện, thợ máy (CĐ-TM); Nhóm tổng hợp gồm quân y, hóa học, hậu cần (TH).

Thời gian, địa điểm nghiên cứu: tháng 7/2020, tại nơi đóng quân của Đơn vị Hải quân M.

2.2. Phương pháp nghiên cứu:

- Thiết kế nghiên cứu: mô tả cắt ngang, kết hợp phân tích số liệu định tính và định lượng.

- Phương pháp lấy mẫu: thuận tiện, toàn thể.

- Khảo sát nhân cách TT:

+ Khảo sát nhân cách bằng bộ câu hỏi trắc nghiệm Eysenck, gồm 57 câu hỏi (trả lời đúng/ sai, được 1 điểm; trả lời sai/ đúng, không có điểm).

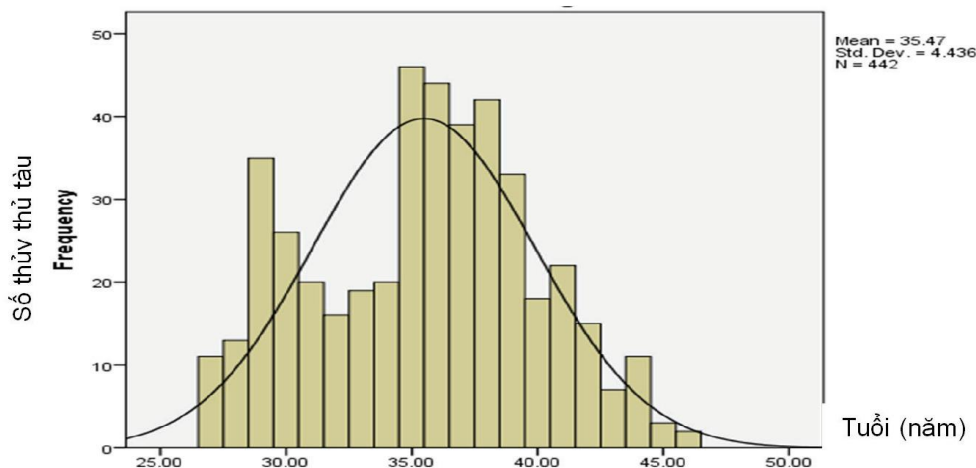
Trong 57 câu hỏi trắc nghiệm nhân cách Eysenck, có 9 câu kiểm tra độ tin cậy, yêu cầu đối tượng nghiên cứu trả lời trùng/ khác không quá 4 câu (4 điểm) ở nhóm 9 câu hỏi này. Theo đó, thực hiện trắc nghiệm nhân cách Eysenck với 478 TT Đơn vị Hải quân M. tại thời điểm nghiên cứu và lựa chọn được 442 TT có kết quả trắc nghiệm đạt độ tin cậy để đưa vào các bước nghiên cứu tiếp theo.

+ Đánh giá kết quả khảo sát nhân cách theo trắc nghiệm Eysenck căn cứ vào thang điểm hướng nội - hướng ngoại (24 câu hỏi: đánh giá hướng nội khi kết quả trả lời từ 0-12 điểm; đánh giá hướng ngoại khi kết quả trả lời trên 12 điểm) và thang điểm ổn định - không ổn định (gồm 24 câu hỏi: đánh giá ổn định khi kết quả trả lời từ 0-12 điểm; đánh giá không ổn định khi kết quả trả lời trên 12 điểm). Kết quả phân loại nhân cách theo trắc nghiệm Eysenck gồm: loại nhân cách bình thường (hướng nội và ổn định); loại nhân cách hướng ngoại (hướng ngoại và ổn định); loại nhân cách ưu tư (hướng nội và không ổn định); loại nhân cách nóng nảy (hướng ngoại và không ổn định).

- Khảo sát trạng thái trầm cảm bằng trắc nghiệm Beck rút gọn (gồm 13 câu hỏi, mỗi câu hỏi có 4 đáp án trả lời có sẵn, tương ứng với số điểm từ 0-3 cho mỗi câu trả lời). Kết quả đánh giá trạng thái trầm cảm bằng trắc nghiệm Beck theo tổng số điểm, gồm các mức độ: không trầm cảm (≤ 3 điểm), trầm cảm nhẹ (từ 4-7 điểm), trầm cảm trung bình (từ 8-15 điểm), trầm cảm nặng (> 15 điểm).

- Xử lý số liệu: số liệu nghiên cứu được xử lý bằng phương pháp thống kê y sinh học.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN.



Biểu đồ phân bố tuổi của đối tượng nghiên cứu.

TT nghiên cứu phân bố từ 27-36 tuổi, trung bình $35,47 \pm 4,43$ tuổi. Tỷ lệ phân bố các độ tuổi theo nhóm ngành là tương đương nhau ($p > 0,05$; χ^2 test) và gần tuân theo luật phân phối chuẩn. Tuổi trung bình của các nhóm ngành tương đương nhau ($p > 0,05$).

Bảng 1. Tính hướng nội-hướng ngoại; tính ổn định-không ổn định của nhân cách TT nghiên cứu.

| Tính hướng nội-hướng ngoại và tính ổn định-không ổn định của nhân cách | | Nhóm ngành | | | | | Chung |
|--|---------------|------------|------------|------------|-------------|------------|-------------|
| | | ĐK | VK | TT-RĐ | CĐ-TM | TH | |
| Tính hướng nội-hướng ngoại | Hướng nội | 58 (71,6%) | 31 (83,8%) | 61 (70,1%) | 146 (70,2%) | 20 (69,0%) | 316 (71,5%) |
| | Hướng ngoại | 23 (28,4%) | 6 (16,2%) | 26 (29,9%) | 62 (29,8%) | 9 (31,0%) | 126 (28,5%) |
| | Tổng | 81 (100%) | 37 (100%) | 87 (100%) | 208 (100%) | 29 (100%) | 442 (100%) |
| Tính ổn định-không ổn định | Ổn định | 43 (53,1%) | 17 (45,9%) | 46 (52,9%) | 93 (44,7%) | 13 (44,8%) | 212 (48,0%) |
| | Không ổn định | 38 (46,9%) | 20 (54,1%) | 41 (47,1%) | 115 (55,3%) | 16 (55,2%) | 230 (52,0%) |
| | Tổng | 81 (100%) | 37 (100%) | 87 (100%) | 208 (100%) | 29 (100%) | 442 (100%) |

Phần lớn TT có nhân cách mang tính hướng nội (71,5%) hơn là tính hướng ngoại (28,5%); đồng thời, tỉ lệ TT có nhân cách mang tính ổn định (48,0%) và không ổn định (52,0%) tương đương nhau (với $p > 0,05$). So sánh trong cùng nhóm ngành, thấy tỉ lệ nhân cách hướng nội và hướng ngoại; tỉ lệ nhân cách ổn định và không ổn định khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$; χ^2 test).

Bảng 2. Phân loại nhân cách của TT nghiên cứu theo trắc nghiệm Eysenck.

| Phân loại nhân cách | Nhóm ngành | | | | | Chung |
|---------------------|------------|------------|------------|------------|------------|-------------|
| | ĐK | VK | TT-RĐ | CĐ-TM | TH | |
| Bình thân | 36 (44,4%) | 15 (40,5%) | 42 (48,3%) | 79 (38,0%) | 11 (37,9%) | 183 (41,4%) |
| Hăng hái | 7 (8,6%) | 2 (5,4%) | 4 (4,6%) | 14 (6,7%) | 2 (6,9%) | 29 (6,6%) |
| Ưu tư | 22 (27,2%) | 16 (43,2%) | 19 (21,8%) | 67 (32,2%) | 9 (31,0%) | 133 (30,1%) |
| Nóng nảy | 16 (19,8%) | 4 (10,8%) | 22 (25,3%) | 48 (23,1%) | 7 (24,1%) | 97 (21,9%) |
| Tổng | 81 (100%) | 37 (100%) | 87 (100%) | 208 (100%) | 29 (100%) | 442 (100%) |

Số TT có nhân cách bình thân chiếm tỉ lệ cao nhất (41,4%), rồi đến loại ưu tư (30,1%) và nóng nảy (21,9%); số TT có nhân cách hăng hái có tỉ lệ thấp nhất (6,6%). Tỉ lệ phân loại nhân cách giữa các nhóm ngành khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$; χ^2 test).

Cho đến thời điểm nghiên cứu, nguồn nhân lực tuyển chọn vào thực hiện nhiệm vụ TT tàu Hải quân còn chưa được khảo sát, phân loại, đánh giá đặc điểm nhân cách tâm lý, nên kết quả phân loại nhân cách trên đây là hoàn toàn ngẫu nhiên.

Nhân cách là tổ hợp những đặc điểm, thuộc tính tâm lý của mỗi cá nhân, biểu hiện bản sắc, giá trị xã hội của con người đó [3]. Cấu trúc cơ sở về mặt sinh vật của nhân cách là khí chất, được thể hiện bằng các đặc thù cơ bản của hệ thống thần kinh: cường độ, sự cân bằng và tính linh hoạt. Trong các hoạt động quân sự cần tính kiên trì, sự căng thẳng, đơn điệu trường diễn thì những người có nhân cách bình thân hoặc hăng hái là phù hợp hơn cả. Những người thuộc loại nhân cách ưu tư thường không phù hợp với hoạt động quân sự, đặc biệt là hoạt động của tàu chiến đấu do tính chất yếu ớt của các quá trình thần kinh và sức chịu đựng thấp với các yếu tố cực hạn [1].

Tỉ lệ TT tàu hải quân có tâm lý ổn định trong nghiên cứu của chúng tôi (48%) cao hơn so với tỉ lệ này ở TT tàu vận tải xăng dầu trong nghiên cứu của Bùi Thị Hà (28% có tâm lý ổn định và 78% có tâm lý không ổn định [2]).

Bảng 3. Khảo sát trạng thái trầm cảm theo trắc nghiệm Beck trên các TT nghiên cứu.

| Trạng thái trầm cảm theo trắc nghiệm Beck | Nhóm nhân cách theo trắc nghiệm Eysenck | | | | Chung | |
|---|---|------------|------------|------------|-------------|-------------|
| | Bình thân | Hăng hái | Ưu tư | Nóng nảy | | |
| Không trầm cảm | 130 (71,0%) | 19 (65,5%) | 27 (20,3%) | 37 (38,1%) | 213 (48,2%) | |
| Trầm cảm | Nhẹ | 49 (26,8%) | 7 (24,2%) | 84 (63,2%) | 35 (36,1%) | 175 (39,6%) |
| | Vừa | 4 (2,2%) | 3 (10,3%) | 16 (12,0%) | 25 (25,8%) | 48 (10,9%) |
| | Nặng | 0 | 0 | 6 (4,5%) | 0 | 6 (1,4%) |
| Tổng | 183 (100%) | 29 (100%) | 133 (100%) | 97 (100%) | 442 (100%) | |

Chúng tôi thấy có sự khác biệt về tỉ lệ TT trầm cảm theo trắc nghiệm Beck ở các nhóm TT có phân loại nhân cách khác nhau (với $p < 0,001$; χ^2 test). Tỉ lệ TT có trạng thái tâm lý trầm cảm (các mức độ) theo trắc nghiệm Beck cao nhất ở nhóm ưu tư (79,7%), tiếp theo là ở nhóm nóng nảy (61,9%); ở nhóm hăng hái chỉ chiếm 34,5% và ở nhóm bình thản chỉ chiếm 29%. Riêng nhóm ưu tư có 6/133 TT (chiếm 4,5%) có trạng thái tâm lý trầm cảm mức độ nặng theo trắc nghiệm Beck.

Qua tính toán, chúng tôi thấy: hệ số tương quan pearson giữa điểm tính ổn định và điểm trắc nghiệm trầm cảm Beck của TT nghiên cứu là $r = 0,483$ (với $p < 0,001$), có nghĩa là TT có tâm lý ổn định hơn thì ít bị trầm cảm hơn.

Dấu hiệu của trầm cảm theo trắc nghiệm Beck có nhiều mức độ khác nhau. Trầm cảm mức độ nhẹ theo trắc nghiệm Beck là đối tượng có cảm giác buồn bã, u sầu trong thời gian ngắn (đây là trạng thái tâm lý trầm cảm). Cũng theo trắc nghiệm Beck, đối tượng trầm cảm mức độ nặng có cảm giác tuyệt vọng, cảm giác tội lỗi (biểu hiện trong bệnh lí trầm cảm theo phân loại ICD-10).

Nhân cách có vai trò trung tâm trong cơ chế bảo vệ dưới tác động của stress. Tính không ổn định đặc trưng bởi sự vượt trội về cảm giác lo âu, không ổn định cảm xúc. Có 4 mô hình cơ bản tác động lẫn nhau giữa đặc điểm nhân cách và mức độ rối loạn trầm cảm. Đặc điểm nhân cách kém thích nghi bao gồm những chức năng tư duy, thái độ, cư xử... bắt đầu hình thành rõ nét vào tuổi thiếu niên hoặc vị thành niên và ổn định đến hết đời. TT có đặc điểm nhân cách ổn định ít bị căng thẳng cảm xúc hơn.

Nhóm nhân cách bình thản và nhóm nhân cách hăng hái có chung đặc điểm khí chất là ổn định, chịu đựng tốt trong điều kiện khó khăn, cực hạn. Điều này lí giải ở 2 nhóm này, tỉ lệ trạng thái tâm lý bình thường (không có trầm cảm) tương ứng là 71% ở nhóm bình thản và 65,5% ở nhóm hăng hái, cao hơn ở nhóm ưu tư (20,3%) và nhóm nóng nảy (38,1%).

Tác giả Jylha P và cộng sự nghiên cứu đặc điểm nhân cách, lo âu, trầm cảm trên 441 người dân Phần Lan, kết quả cho thấy tính ổn định nhân cách có tương quan chặt chẽ với mức độ trầm cảm ($r = 0,71$; với $p < 0,001$) [7].

4. KẾT LUẬN.

Nghiên cứu 422 TT tàu thuộc Đơn vị Hải quân M., tại thời điểm tháng 7/2020, chúng tôi kết luận:

- TT có phân loại nhân cách bình thản chiếm tỉ lệ cao nhất (41,4%), tiếp theo là loại nhân cách ưu tư (30,1%), nhân cách nóng nảy (21,9%) và loại nhân cách hăng hái (6,6%). TT có trạng thái tâm lý bình thường theo trắc nghiệm Beck chiếm 48,2%; trạng thái tâm lý trầm cảm nhẹ theo trắc nghiệm Beck chiếm 39,6%, trầm cảm vừa theo trắc nghiệm Beck chiếm 10,9% và trầm cảm nặng theo trắc nghiệm Beck chiếm 1,4%.

- Có mối tương quan giữa trạng thái tâm lý trầm cảm theo trắc nghiệm Beck và tính ổn định của nhân cách theo trắc nghiệm Eysenck với hệ số $r = 0,483$ ($p < 0,001$). Tỉ lệ TT có trạng thái tâm lý trầm cảm theo trắc nghiệm Beck ở nhóm nhân cách ưu tư cao nhất (79,7%); tiếp theo là ở nhóm nhân cách nóng nảy (61,9%), nhóm nhân cách hăng hái (34,5%) và nhóm nhân cách bình thản (29,0%).

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Grebenyuk A.N, Korzunin V.A, Iusupov V.V (2013), "Vấn đề tâm sinh lý và tuyển chọn tâm lý nghề nghiệp cho chuyên gia hải quân ở Hạm đội tàu ngầm", *Kỷ yếu hội thảo khoa học Việt - Nga về y học lao động và vấn đề bảo đảm sức khỏe cho bộ đội tàu ngầm*, tr. 46-60.
2. Bùi Thị Hà (2002), *Nghiên cứu đặc điểm môi trường lao động và các rối loạn bệnh lý có tính chất nghề nghiệp của thuyền viên vận tải xăng dầu đường biển*, Luận án tiến sĩ y học, Học viện Quân y, Hà Nội, tr. 49-84.
3. Học viện Quân y (2007), *Tâm thần học và tâm lý học y học*, Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân, Hà Nội, tr. 342-353.
4. Nguyễn Văn Nhận, Nguyễn Sinh Phúc (2004), *Trắc nghiệm tâm lý lâm sàng*, Nhà xuất bản Y học, tr. 16-122.
5. Nguyễn Văn Tâm (2014), "Nghiên cứu một số đặc điểm thần kinh - tâm lý của thuyền viên Việt Nam làm việc trên các tàu vận tải viễn dương năm 2013", *Tạp chí Y học Việt Nam*, 423 (2), tr. 72-77.
6. Bureau of Medicine and Surgery, United State Navy (2005), *Submarine Medicine Practice*, University Press of the Pacific, Honolulu, Hawaii, pp. 365-342.
7. Jylha P, Isometsa E (2006), "The relationship of neuroticism and extraversion to symptoms of anxiety and depression in the general population", *Depression and Anxiety*, 23, pp. 281-289. □